

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

TỔNG CÔNG
TY CỔ PHẦN Y
TẾ DANAMECO

Digitally signed by
TỔNG CÔNG TY CỔ
PHẦN Y TẾ DANAMECO
Date: 2025.03.31
10:33:08 +07'00'

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05 - 07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	08 - 48
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	08 - 11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024</i>	13 - 14
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024</i>	15 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000659 ngày 07/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 19 số 0400102101 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19: 52.530.700.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 52.530.700.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại : 0236 3817 137
Fax : (+84) 236 381 0004
Email : info@danameco.com
Website : www.danameco.com
Mã số thuế : 0 4 0 0 1 0 2 1 0 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 48).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2024
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/05/2024
Bà Huỳnh Thị Li Li	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng Giám đốc	
Ông Võ Anh Đức	Giám đốc dự án	
Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính	
	Kiểm Phụ trách kế toán	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trương Văn Bảy (*)	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 04/06/2024
Bà Lê Thị Hồng Tịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2024
Ông Trương Văn Bảy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/05/2024
Ông Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên	

(*) Công ty đã tiếp nhận đơn từ nhiệm của ông Trương Văn Bảy ngày 05/07/2024 và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu 01 thành viên mới.

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đà Nẵng, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam

Số : 1411.01/2024/BCTC- NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi : **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông**
Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 08 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm nêu trên và ảnh hưởng lũy kế của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2023, Báo cáo tài chính năm 2024.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các đầu công nợ tại thời điểm 31/12/2023 như sau: Các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 24,73 tỷ VND; các khoản ứng trước cho người bán là 4,83 tỷ; các khoản phải trả người bán là 4,28 tỷ VND; Các đầu công nợ chưa thu thập được thư xác nhận tại 31/12/2024 như sau: Các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn lần lượt là 38.631.789.381 VND và 13.300.890.076 VND; các khoản trả trước cho người bán số tiền 4.168.098.534 VND, các khoản người mua trả tiền trước 1.142.033.343 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả chưa được xác nhận nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 đính kèm đã bao gồm Doanh thu hoạt động liên kết với Bệnh viện Thái Nguyên các tháng 6,7,8 số tiền 838.631.845 VND (thuyết minh VI.1), số dư công nợ phải thu của hoạt động trên lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 922.495.029 VND chưa được xác nhận (thuyết minh V.5a). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, chính xác vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đính kèm đã bao gồm giá vốn hàng bán với số tiền 5.856.025.914 đồng; doanh thu tương ứng với giá vốn này đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm 2021. Việc ghi nhận các giao dịch phát sinh như trên là chưa đảm bảo nguyên tắc phù hợp của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty đã phát hành hóa đơn; lập biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa và ghi nhận doanh thu bán hàng trong năm 2022 với số tiền 49.183.486.880 đồng. Tuy nhiên, thời gian thể hiện trên các phiếu xuất, các bút toán xuất kho và hạch toán giá vốn đối với lượng hàng nêu trên đều được ghi nhận sau thời điểm ghi nhận doanh thu. Do sự không hợp lý về thời điểm ghi nhận doanh thu và giá vốn tại hồ sơ kế toán như trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giao dịch mua, bán các lô hàng này và ảnh hưởng của chúng đến các giao dịch, số dư khác của Báo cáo tài chính.

2-C
TY
I
DÁN
VIỆ
HÀ

02
ÔNG
IÁN
Ề
IEC
ĐÀ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn
GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.697.182.197	194.542.520.206
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.094.934.175	2.261.327.493
1. Tiền	111		34.464.934.175	1.631.327.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.000.000	630.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	500.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.818.780.226	61.227.314.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.563.672.105	53.368.870.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.611.920.116	8.489.299.695
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.202.923.054	10.007.412.086
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.559.735.048)	(10.638.268.019)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.613.760.499	85.170.906.168
1. Hàng tồn kho	141	V.7	81.296.269.558	87.901.627.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.682.509.059)	(2.730.721.016)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.669.707.297	45.382.972.291
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	142.482.448	1.071.304.647
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.955.555.705	43.911.538.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	571.669.144	400.129.537
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.307.290.371	110.421.963.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.106.704.985	3.903.654.190
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.106.704.985	3.903.654.190
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.051.039.935	103.795.289.767
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	49.496.390.122	63.738.057.779
<i>Nguyên giá</i>	222		154.905.522.747	147.136.806.028
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(105.409.132.625)	(83.398.748.249)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	7.155.517.814	21.579.521.805
<i>Nguyên giá</i>	225		73.583.613.113	86.449.113.113
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(66.428.095.299)	(64.869.591.308)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	18.399.131.999	18.477.710.183
<i>Nguyên giá</i>	228		19.499.985.221	19.499.985.221
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.100.853.222)	(1.022.275.038)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		340.000.000	340.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(340.000.000)	(340.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	1.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	100.000.000	1.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.049.545.451	1.623.019.557
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.049.545.451	1.623.019.557
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		294.004.472.568	304.964.483.720

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		289.593.006.779	300.290.629.011
I. Nợ ngắn hạn	310		226.047.419.020	243.831.256.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	68.659.207.908	91.268.940.132
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	17.348.674.171	1.100.388.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	475.034.010	2.224.409.662
4. Phải trả người lao động	314		2.599.298.147	2.364.319.242
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6.703.069.669	4.571.415.997
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	61.666.663	61.666.667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.797.357.966	1.563.464.073
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	124.367.384.410	134.471.381.684
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	4.035.726.076	6.205.270.812
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		63.545.587.759	56.459.372.645
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	60.000.000	60.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	63.418.271.444	56.332.056.330
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		67.316.315	67.316.315

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.411.465.788	4.673.854.709
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.620.833.120	2.883.222.041
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.946.628.370	4.946.628.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.907.420.962	62.907.420.962
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(117.763.916.212)	(117.501.527.291)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.501.527.291)	(62.140.663.039)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(262.388.921)	(55.360.864.252)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.790.632.668
1. Nguồn kinh phí	431		1.790.632.668	1.790.632.668
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		294.004.472.568	304.964.483.720

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thu Thảo

Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Đình Phương Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	197.275.418.780	216.714.175.356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	450.769.399	262.531.981
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		196.824.649.381	216.451.643.375
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	163.473.704.337	212.934.408.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.350.945.044	3.517.235.060
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	616.786.261	281.537.407
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.697.807.842	12.216.814.643
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.933.491.612	12.013.998.090
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.203.923.743	12.637.872.346
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.329.187.229	18.647.166.055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.736.812.491	(39.703.080.577)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.229.602.070	339.858.821
12. Chi phí khác	32	VI.9	16.228.803.481	15.997.642.496
13. Lợi nhuận khác	40		(13.999.201.411)	(15.657.783.675)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(262.388.921)	(55.360.864.252)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(262.388.921)	(55.360.864.252)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(50)	(10.539)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(50)	(10.539)

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thu Thảo

Huỳnh Thu Thảo



Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(262.388.921)	(55.360.864.252)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		27.139.693.652	27.253.068.987
- Các khoản dự phòng	03		(9.126.744.927)	2.498.075.354
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		731.064.337	(7.378.829)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.795.148.826)	(330.654.237)
- Chi phí lãi vay	06		7.933.491.612	12.013.998.090
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.619.966.927	(13.933.754.887)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.839.627.985	11.585.679.076
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.605.357.626	40.916.054.664
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.229.406.888)	(14.023.596.045)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(497.703.695)	1.974.218.557
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.933.491.612)	(12.013.998.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(170.166.646)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.169.544.736)	(343.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.064.638.961	14.160.753.275
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(648.293.900)	(1.052.885.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	387.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	5.837.080.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107.988.997	249.759.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		459.695.097	5.420.954.488

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		189.728.978.023	184.727.948.564
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(179.463.105.893)	(203.774.504.861)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.961.133.121)	(13.968.803.470)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.695.260.991)	(33.015.359.767)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		32.829.073.067	(13.433.652.004)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.261.327.493	15.667.155.913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.533.615	27.823.584
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	35.094.934.175	2.261.327.493

Người lập biểu

Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Huỳnh Thu Thảo



Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000659 ngày 07/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 19 số 0400102101 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19: 52.530.700.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 52.530.700.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại : 0236 3817 137

Fax : (+84) 236 381 0004

Email : info@danameco.com

Website : www.danameco.com

Mã số thuế : 0 4 0 0 1 0 2 1 0 1

3. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị y tế

4. Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Sản xuất hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc bao gồm thuốc thành phần, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin và sinh phẩm y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật tư y tế; Sản xuất bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và sản xuất các sản phẩm phục vụ cấp cứu, chấn thương, thiên tai, dịch họa;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú. Chi tiết: Dịch vụ giặt là y tế;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo hướng dẫn trang bị thiết bị y tế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị y tế. Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị dụng cụ phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may và da giày. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh hóa chất, thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác. Chi tiết: Dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường;
- Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác. Chi tiết: Đàm nhận công tác hậu cần cho các chương trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm phòng mổ, phòng X-Quang và các công trình chuyên ngành y tế;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất giày, dép;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị y tế;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví da và giả da khác; Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Đóng gói găng tay./.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2023.

7. Nhân viên:

Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 275 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 390 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc

Tên công ty	Địa chỉ
Nhà máy sản xuất Vật tư Y tế Quảng Nam	Cụm CN Trảng Nhứt 2, Xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Nhà máy sản xuất Vật tư Y tế Hòa Cường	12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao xác định lại của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Tại BCTC năm 2022, đơn vị không đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi nên không đủ điều kiện thực hiện phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản thuê tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính xác định lại như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

05 - 09

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05-10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	721.723.587	1.963.111
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.743.210.588	1.629.364.382
Các khoản tương đương tiền	630.000.000	630.000.000
Cộng	35.094.934.175	2.261.327.493

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng số tiền 500.000.000 VND. Khoản tiền gửi được tái tục gốc khi đến hạn với lãi suất được xác định lại mỗi lần tại thời điểm tái tục. Khoản tiền gửi đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	100.000.000	100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000

(*) Là 1000 Trái phiếu mã số CTG2030T2/01-3078, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu tương đương 100.000.000 VND. Kỳ hạn của trái phiếu là 10 năm từ 30/07/2020 đến 20/07/2030.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.067.875.885	3.482.906.729
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	10.067.329.879	347.920.620
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	546.006	3.134.986.109
Phải thu các khách hàng khác	61.495.796.220	49.885.963.763
Công ty TNHH Meril (VIỆT NAM)	9.988.381.454	-
Nissho Sangyo Co., Ltd	959.022.775	443.518.781
Medline Industries, Inc	4.294.584.185	9.375.336.676
Bệnh Viện K	141.839.200	743.234.174
Công Ty Cổ phần Thiết Bị Y Tế Danamed	2.814.339.541	2.814.339.541
Bệnh Viện Từ Dũ	505.945.112	1.568.183.658
Các khách hàng khác	42.791.683.953	34.941.350.933
Cộng	71.563.672.105	53.368.870.492

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty TNHH MTV Thành Phát Thịnh	1.364.171.000	1.364.171.000
Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn Thuế Atax	2.697.184.800	-
NANTONG HOPE INDUSTRY AND TRADE CO.,LTD	1.085.763.201	-
Wuhan Uniway Trading	546.222.846	828.537.448
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu KYH	-	2.552.250.000
Công Ty Cổ phần Thiết Bị Y Tế Danamed	2.447.664.535	2.447.664.535
Các nhà cung cấp khác	1.470.913.734	1.296.676.712
Cộng	9.611.920.116	8.489.299.695

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	880.309.177	-	1.170.056.519	-
Ký cược, ký quỹ	579.392.504	-	532.491.546	-
Phải thu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	922.495.029	-	7.857.445.359	-
Tạm ứng	1.124.162.163	-	278.509.725	-
Phải thu lãi chậm thanh toán	450.294.327	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	246.269.854	-	168.908.937	-
Cộng	4.202.923.054	-	10.007.412.086	-

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	-	954.868.332	-
Ký cược, ký quỹ	2.106.704.985	-	2.948.785.858	-
Cộng	2.106.704.985	-	3.903.654.190	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng		10.372.002.838	2.490.127.104		41.353.291.487	7.064.537.283
Sở Y Tế Tỉnh Tây Ninh	Đã thu tiền	-	-	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	1.455.484.000	1.018.838.800
BQL Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Hệ Thống & Phát Triển Đô Thị Đà Nẵng	Đã thu tiền	-	-	Quá hạn trên 03 năm	921.351.450	460.675.725
VIVA PLAST GmbH	Quá hạn trên 03 năm	571.511.040	571.511.040	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	537.703.680	376.392.576
Bệnh Viện K	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	141.839.200	133.216.700	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	584.844.477	56.694.810
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tà Thiên Ân	Đã thu tiền	-	-	Quá hạn từ 01 đến 02 năm	1.107.875.995	440.000.001
Các khách hàng khác	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	9.658.652.598	1.785.399.364	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	36.746.031.885	4.711.935.371
Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.467.570.920	69.607.944		4.438.293.323	3.573.730.736
Công Ty TNHH MTV Thành Phát Thịnh	Đã nghiệm thu	1.364.171.000	-	Quá hạn từ 01 đến 02 năm	1.364.171.000	682.085.500
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu KYH	Đã thu tiền	-	-	Quá hạn trên 03 năm	2.552.250.000	2.552.250.000
Các khách hàng khác	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	103.399.920	69.607.944	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	521.872.323	339.395.236
Cộng		11.839.573.758	2.559.735.048		45.791.584.810	10.638.268.019

NA/0 37Y 2/20

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.311.456.912	(11.135.940)	38.321.238.477	(11.135.940)
Công cụ, dụng cụ	270.292.238	-	162.364.105	-
Thành phẩm	33.797.130.775	(1.631.625.907)	32.977.530.316	(2.679.837.864)
Hàng hóa	17.383.943.061	(39.747.212)	15.771.176.385	(39.747.212)
Hàng gửi đi bán	533.446.572	-	669.317.901	-
Cộng	81.296.269.558	(1.682.509.059)	87.901.627.184	(2.730.721.016)

8. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.051.877	43.301.704
Chi phí bảo hiểm	-	174.642.672
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.430.571	853.360.271
Cộng	142.482.448	1.071.304.647

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	106.102.838	488.713.492
Chi phí đánh giá quản lý chất lượng	-	821.922.347
Chi phí sửa chữa hệ thống SOMATOM	2.806.843.431	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	136.599.182	312.383.718
Cộng	3.049.545.451	1.623.019.557

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	86.449.113.113	(64.869.591.308)	21.579.521.805
Tăng trong năm	-	(14.424.003.991)	(14.424.003.991)
Mua lại tài sản thuê tài chính	(12.865.500.000)	12.865.500.000	
Số cuối năm	73.583.613.113	(66.428.095.299)	7.155.517.814

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.732.785.221	697.200.000	70.000.000	19.499.985.221
Số cuối năm	18.732.785.221	697.200.000	70.000.000	19.499.985.221
Trong đó				
Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng	-	232.200.000	70.000.000	302.200.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	441.075.052	511.199.986	70.000.000	1.022.275.038
Khấu hao trong năm	32.078.184	46.500.000	-	78.578.184
Số cuối năm	473.153.236	557.699.986	70.000.000	1.100.853.222
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	18.291.710.169	186.000.014	-	18.477.710.183
Số cuối năm	18.259.631.985	139.500.014	-	18.399.131.999

(*) Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 18.732.785.221 VND; 18.259.631.985 VND đang được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

12. Bất động sản đầu tư

Là cơ sở hạ tầng tại 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, đã hết khấu hao và hiện đang cho thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	28.710.722.652	49.816.661.205
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	17.956.256.076	38.655.783.079
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	10.754.466.576	11.160.878.126
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	39.948.485.256	41.452.278.927
Công ty Cổ phần thiết bị y tế PCG (trước là Công Ty TNHH HOH Việt Nam)	17.348.242.546	29.333.634.205
MERIL LIFE SCIENCES INDIA PVT. LIMITED	10.122.795.180	-
Các nhà cung cấp khác	12.477.447.530	12.118.644.722
Cộng	68.659.207.908	91.268.940.132

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
IP Supply Pty Ltd	557.513.604	557.513.604
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Phát triển Đô thị Đà Nẵng	16.203.230.550	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thiết Bị K&T	131.250.000	131.250.000
Axis Co.,Ltd	215.537.048	183.993.525
Các khách hàng khác	241.142.969	227.630.968
Cộng	17.348.674.171	1.100.388.097

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ thuế GTGT được khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.699.970.712	-	-	-	(1.699.970.712)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	524.438.950	-	2.479.740.580	(2.533.557.291)	-	470.622.240	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	388.341	75.645.193	(70.845.082)	-	4.411.770	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	286.566.931	-	(170.166.646)	-	-	456.733.577
Thuế thu nhập cá nhân	-	113.174.265	36.286.057	(38.047.359)	-	-	114.935.567
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	160.366.220	(160.366.220)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	41.547.357	(41.547.357)	-	-	-
Cộng	2.224.409.662	400.129.537	2.793.585.407	(3.014.529.955)	(1.699.970.712)	475.034.010	571.669.144

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất các hoạt động như sau:

Hoạt động	Thuế suất
Sản phẩm thiết bị, dụng cụ và vật tư y tế	5%
Hoạt động dịch vụ	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.205.676.336	4.205.676.336
Chi phí quyết toán thuế chưa có hóa đơn	2.128.539.629	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	368.853.704	365.739.661
Cộng	6.703.069.669	4.571.415.997

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước cho thuê tài sản tại số 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

18. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	854.956.150	898.385.768
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	104.174.947
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	942.401.816	560.903.358
Cộng	1.797.357.966	1.563.464.073

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	60.000.000	60.000.000
Cộng	60.000.000	60.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay các bên liên quan</i>	<i>33.710.000.000</i>	<i>33.710.000.000</i>	<i>39.710.000.000</i>	<i>39.710.000.000</i>
Ông Lê Hải Trọng	26.710.000.000	26.710.000.000	32.710.000.000	32.710.000.000
Ông Võ Anh Đức	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính các tổ chức khác</i>	<i>90.657.384.410</i>	<i>90.657.384.410</i>	<i>94.761.381.684</i>	<i>94.761.381.684</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Đà Nẵng (*)	79.075.982.590	79.075.982.590	78.516.528.892	78.516.528.892
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số V.19b)	1.992.728.569	1.992.728.569	3.313.581.569	3.313.581.569
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	9.588.673.251	9.588.673.251	12.931.271.223	12.931.271.223
Cộng	124.367.384.410	124.367.384.410	134.471.381.684	134.471.381.684

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 300029444/2025-HĐCVHM/NHCT480-DANAMECO ngày 02/01/2025. Hạn mức cho vay là 80.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/12/2025, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay được quy định trên từng lần nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bởi:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43 tờ bản đồ số 7, hiện nay là 12 Trịnh Công Sơn (K464/14 Núi Thành), Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 127100015/HĐTC ngày 16/07/2012. Giá trị của tài sản được định giá là 29.980.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản ngày 01/02/2024.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2027-HĐTC/NHCT480-DANAMECO ngày 29/06/2017. Giá trị của tài sản là 35.220.000.000 VND theo văn bản sửa đổi giá trị tài sản thế chấp ngày 7/01/2024.

+ Hợp đồng tiền gửi số 480/2022/45749 phát hành ngày 26/12/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐĐB/NHCT480-DNM ngày 28/12/2022. Giá trị của tài sản là 500.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 307 tờ bản đồ số 7, Kìेत 464 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT480-DANAMECO- ngày 25/10/2023. Tài sản có giá trị là 81.815.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 25/10/2023.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Bù trừ tiền đặt cọc mua lại tài sản	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.516.528.892	162.728.978.023	-	(162.169.524.325)	-	79.075.982.590
Vay ngắn hạn các cá nhân	39.710.000.000	-	-	(6.000.000.000)	-	33.710.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.313.581.569	-	1.992.728.568	(3.313.581.568)	-	1.992.728.569
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.931.271.223	-	9.941.056.318	(12.961.133.121)	(322.521.169)	9.588.673.251
Cộng	134.471.381.684	162.728.978.023	11.933.784.886	(184.444.239.014)	(322.521.169)	124.367.384.410

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn bên liên quan</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>
Ông Võ Anh Đức (1)	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>44.418.271.444</i>	<i>44.418.271.444</i>	<i>37.332.056.330</i>	<i>37.332.056.330</i>
Vay dài hạn ngân hàng	3.818.271.444	3.818.271.444	5.811.000.012	5.811.000.012
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam-CN Đà Nẵng (2)	3.319.821.444	3.319.821.444	4.647.750.012	4.647.750.012
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Đà Nẵng (3)	498.450.000	498.450.000	1.163.250.000	1.163.250.000
Vay dài hạn các cá nhân khác (4)	40.600.000.000	40.600.000.000	21.580.000.000	21.580.000.000
Nợ thuê tài chính (5)	-	-	9.941.056.318	9.941.056.318
Cộng	63.418.271.444	63.418.271.444	56.332.056.330	56.332.056.330

- (1) Là khoản vay dài hạn ông Võ Anh Đức theo các hợp đồng cho vay năm 2020 và các hợp đồng cho vay năm 2022. Khoản vay không lãi suất trong 2 năm 2023 và 2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số DNG202158555/HDTD ngày 09/06/2021. Hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, mục đích vay là để bù đắp chi phí đầu tư nhà máy sản xuất vật tư y tế, thời hạn 84 tháng, lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi Công trình xây dựng đã hình thành tại CCN Trảng Nhặt 2, xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Hợp đồng thế chấp tài sản số DNG202158555/HDTTC ngày 24/06/2021. Giá trị của tài sản thế chấp là 12.394.000.000 VND.
- (3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF2125800039/HĐTD-TDHN/DN ngày 19/10/2021. Số tiền vay là 3.240.000.000 VND, thời hạn 60 tháng, mục đích vay là để bù đắp một phần tiền mua dây chuyền, máy móc thiết bị nhà máy tại Cụm Công nghiệp Trảng Nhặt 2, xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là một phần máy móc thiết bị, dây

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển tại nhà máy theo Hợp đồng thế chấp số REF2125800039/MMTB/DN ngày 19/10/2021. Phụ lục 02 số 02/ REF2125800039 ngày 21/12/2021. Giá trị của tài sản là 4.630.000.000 VND.

- (4) Là các khoản vay dài hạn của các cá nhân khác không tính lãi.
Các khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Là các khoản nợ thuê tài chính tại các Công ty cho thuê tài chính. Tài sản thuê tài chính là máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê là 48 đến 60 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	5.811.000.012	-	-	(1.992.728.568)	3.818.271.444
Vay dài hạn các cá nhân	40.580.000.000	27.000.000.000	(7.980.000.000)	-	59.600.000.000
Nợ thuê tài chính	9.941.056.318	-	-	(9.941.056.318)	-
Cộng	56.332.056.330	27.000.000.000	(7.980.000.000)	(11.933.784.886)	63.418.271.444

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.205.270.812	-	(2.169.544.736)	4.035.726.076
Cộng	6.205.270.812	-	(2.169.544.736)	4.035.726.076

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.776.050.000	4.946.628.370	62.907.420.962	(62.140.663.039)	49.489.436.293
Tăng vốn từ lợi nhuận	8.754.650.000	-	-	(8.754.650.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(46.606.214.252)	(46.606.214.252)
Số dư cuối năm trước	<u>52.530.700.000</u>	<u>4.946.628.370</u>	<u>62.907.420.962</u>	<u>(117.501.527.291)</u>	<u>2.883.222.041</u>
Số dư đầu năm nay	52.530.700.000	4.946.628.370	62.907.420.962	(117.501.527.291)	2.883.222.041
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(262.388.921)	(262.388.921)
Số dư cuối năm nay	<u>52.530.700.000</u>	<u>4.946.628.370</u>	<u>62.907.420.962</u>	<u>(117.763.916.212)</u>	<u>2.620.833.120</u>

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.253.070	5.253.070
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu phổ thông	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu phổ thông	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	18.848,98	35.266,81
Euro (EUR)	2.702,85	1.702,85
Yên Nhật (JPY)	29.863,00	36.445,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	195.882.157.299	210.930.629.843
Doanh thu cung cấp dịch vụ	554.629.636	318.106.061
Doanh thu hoạt động liên kết bệnh viện	838.631.845	5.465.439.452
Cộng	197.275.418.780	216.714.175.356

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	17.254.562.593	133.247.028
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	380.093.744	5.165.714

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	450.769.399	262.531.981
Cộng	450.769.399	262.531.981

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	159.463.672.470	206.268.392.675
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn hoạt động liên kết bệnh viện	5.058.243.824	6.235.839.066
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.048.211.957)	430.176.574
Cộng	163.473.704.337	212.934.408.315

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	107.988.997	152.759.366
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	508.797.264	121.384.512
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	7.393.529
Cộng	616.786.261	281.537.407

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.933.491.612	12.013.998.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.602.076	202.816.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	731.064.337	-
Chi phí tài chính khác	24.649.817	-
Cộng	8.697.807.842	12.216.814.643

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.441.646.903	4.735.020.820
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	812.854.553	122.410.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388.508.695	398.664.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.133.888.918	6.240.938.708
Các chi phí khác	427.024.674	1.140.838.371
Cộng	9.203.923.743	12.637.872.346

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.224.591.349	9.652.876.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	548.858.597	1.119.860.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.414.682	630.338.163
Thuế, phí và lệ phí	204.533.272	221.064.160
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.078.532.971)	2.067.898.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.928.853.321	3.954.762.138
Các chi phí khác	987.468.978	1.000.365.546
Cộng	2.329.187.229	18.647.166.055

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.687.159.829	177.894.871
Lãi phạt chậm thanh toán	450.294.327	-
Thu nhập khác	92.147.914	161.963.950
Cộng	2.229.602.070	339.858.821

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt hành chính	145.203.120	-
Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	15.785.512.069	15.670.788.380
Chi phí khác	298.088.292	326.854.116
Cộng	16.228.803.481	15.997.642.496

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(262.388.921)	(55.360.864.252)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.448.660.117	15.337.766.459
<i>Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh</i>	16.496.525.978	15.997.642.496
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt hành chính</i>	15.785.512.069	15.670.788.380
<i>Lỗi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm</i>	145.203.120	-
<i>Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước</i>	-	-
<i>Chi phí khác</i>	267.722.497	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	298.088.292	326.854.116
<i>Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm</i>	(47.865.861)	(659.876.037)
<i>Lỗi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước</i>	(47.865.861)	(267.722.497)
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	-	(392.153.540)
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	16.186.271.196	(40.023.097.793)
<i>Thu nhập liên kết bệnh viện đã tính thuế</i>	-	-
<i>Lỗi các năm trước được chuyển</i>	(838.631.845)	(1.228.938.832)
<i>Thu nhập tính thuế</i>	(15.347.639.351)	-
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	(41.252.036.625)
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	20%	20%
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(262.388.921)	(55.360.864.252)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	(262.388.921)	(55.360.864.252)
<i>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</i>	5.253.070	5.253.070
	(50)	(10.539)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.253.070	5.253.070
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.253.070	5.253.070

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.095.072.657	119.026.152.723
Chi phí nhân công	37.059.577.822	64.704.138.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.139.693.652	27.253.068.987
Chi phí dự phòng	(9.126.744.927)	2.067.898.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.395.298.205	12.432.322.227
Chi phí khác	4.349.507.229	3.154.438.335
Cộng	164.912.404.638	228.638.019.324

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hải Trọng		
Trả tiền vay	6.000.000.000	4.200.000.000
Ông Võ Anh Đức		
Vay tiền	-	19.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng giám đốc	477.199.634	332.512.104
Ông Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên BKS	228.553.345	276.246.917
Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính		
	Kiểm phụ trách kế toán	267.321.249	311.902.690

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	Công ty có liên quan ông Lê Hải Trọng
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	Công ty có liên quan ông Lê Hải Trọng

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế HSI		
Phải thu tiền bán hàng	18.014.822.220	145.760.390
Thu tiền bán hàng	8.295.412.961	99.329.770
Hoàn trả tiền hàng đã ứng trước	-	1.000.000.000
Phải trả tiền mua hàng	7.825.054.902	1.387.639.600
Phải trả tiền thuê văn phòng	168.181.822	-
Trả tiền mua hàng và thuê văn phòng	8.399.648.274	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT		
Phải thu tiền bán hàng	402.689.415	5.424.000
Thu tiền bán hàng	402.143.415	441.211.750
Phải trả tiền mua hàng	4.581.296.000	13.265.245.200
Trả tiền mua hàng	22.145.836.900	3.356.320
Trả lại hàng mua	-	12.721.654.000
Bù trừ công nợ	3.134.986.103	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.13.

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị y tế.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực nội địa	140.028.014.642	114.713.746.050
Khu vực xuất khẩu	56.796.634.739	101.737.897.325
Cộng	196.824.649.381	216.451.643.375

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	124.367.384.410	63.418.271.444	-	187.785.655.854
Phải trả người bán	68.659.207.908	-	-	68.659.207.908
Các khoản phải trả khác	11.099.725.782	60.000.000	-	11.159.725.782
Cộng	204.126.318.100	63.478.271.444	-	267.604.589.544
Số đầu năm				
Vay và nợ	134.471.381.684	56.332.056.330	-	190.803.438.014
Phải trả người bán	91.268.940.132	-	-	91.268.940.132
Các khoản phải trả khác	8.499.199.312	60.000.000	-	8.559.199.312
Cộng	234.239.521.128	56.392.056.330	-	290.631.577.458

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.094.934.175	2.261.327.493	35.094.934.175	2.261.327.493
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	600.000.000	1.600.000.000	600.000.000	1.600.000.000
Phải thu khách hàng	69.073.545.001	46.304.333.209	69.073.545.001	46.304.333.209
Các khoản phải thu khác	6.309.628.039	13.911.066.276	6.309.628.039	13.911.066.276
Cộng	111.078.107.215	64.076.726.978	111.078.107.215	64.076.726.978
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	187.785.655.854	190.803.438.014	187.785.655.854	190.803.438.014
Phải trả người bán	68.659.207.908	91.268.940.132	68.659.207.908	91.268.940.132
Các khoản phải trả khác	11.159.725.782	8.559.199.312	11.159.725.782	8.559.199.312
Cộng	267.604.589.544	290.631.577.458	267.604.589.544	290.631.577.458

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Do được quyết toán với Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên về hoạt động liên doanh liên kết từ năm 2020 đến năm 2023 nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2023 được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	195.153.137.289	(610.617.083)	194.542.520.206
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	61.837.931.337	(610.617.083)	61.227.314.254
Phải thu ngắn hạn khác	136	10.618.029.169	(610.617.083)	10.007.412.086
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	305.575.100.803	(610.617.083)	304.964.483.720
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.284.471.792	(610.617.083)	4.673.854.709
Vốn chủ sở hữu	410	3.493.839.124	(610.617.083)	2.883.222.041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(116.890.910.208)	(610.617.083)	(117.501.527.291)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(62.491.894.769)	351.231.730	(62.140.663.039)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(54.399.015.439)	(961.848.813)	(55.360.864.252)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	305.575.100.803	(610.617.083)	304.964.483.720

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	217.676.024.169	(961.848.813)	216.714.175.356
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	217.413.492.188	(961.848.813)	216.451.643.375
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.479.083.873	(961.848.813)	3.517.235.060
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(38.741.231.764)	(961.848.813)	(39.703.080.577)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(54.399.015.439)	(961.848.813)	(55.360.864.252)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(54.399.015.439)	(961.848.813)	(55.360.864.252)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(54.399.015.439)	(961.848.813)	(55.360.864.252)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(10.356)	(183)	(10.539)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(10.356)	(183)	(10.539)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
Lợi nhuận trước thuế	01	(54.399.015.439)	(961.848.813)	(55.360.864.252)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.971.906.074)	(961.848.813)	(13.933.754.887)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.623.830.263	961.848.813	11.585.679.076

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thu Thảo

Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Đình Phương Nam